



**DUCLONG GROUP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐỨC LONG GIA LAI**  
02 Đặng Trần Côn – TP Pleiku – tỉnh Gia Lai

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán  
Kết thúc ngày 30/09/2012

**NĂM 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có  
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.147.547.196.540</b>	<b>1.176.699.848.072</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>11.900.910.401</b>	<b>8.670.784.056</b>
1. Tiền	111		11.900.910.401	4.470.784.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.200.000.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>157.477.473.135</b>	<b>45.376.707.554</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	157.477.473.135	45.376.707.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>607.720.690.995</b>	<b>709.771.270.903</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		382.545.851.893	448.191.368.680
2. Trả trước cho người bán	132		105.189.506.844	104.405.455.902
3. Các khoản phải thu khác	135	7	120.005.776.528	157.194.890.591
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.444.270)	(20.444.270)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	8	<b>343.254.806.874</b>	<b>385.729.436.329</b>
1. Hàng tồn kho	141		343.254.806.874	385.819.535.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(90.099.521)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.193.315.135</b>	<b>27.151.649.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.800.419.732	2.071.244.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.559.933.704	4.056.844.584
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	710.683.221	1.267.429.514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	22.122.278.478	19.756.130.816
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.038.867.770.668</b>	<b>749.212.101.987</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>660.922.415.405</b>	<b>573.808.321.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	169.732.491.143	187.191.132.023
- Nguyên giá	222		223.385.435.683	240.822.584.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.652.944.540)	(53.631.452.172)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.036.291.954	1.193.414.170
- Nguyên giá	225		2.038.366.636	2.038.366.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.002.074.682)	(844.952.466)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	95.390.717.082	95.512.876.836
- Nguyên giá	228		95.710.143.606	95.795.093.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.426.524)	(282.216.674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	394.762.915.226	289.910.898.505
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	16	<b>66.720.417.973</b>	<b>66.720.417.973</b>
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	17	<b>301.245.980.226</b>	<b>97.324.778.372</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.615.852.291	8.045.308.861
2. Đầu tư dài hạn khác	258		273.630.127.935	89.279.469.511
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.978.957.064</b>	<b>11.358.584.108</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	7.098.040.437	8.333.160.833
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.729.516.627	2.689.623.275
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	151.400.000	335.800.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.186.414.967.208</b>	<b>1.925.911.950.059</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mê số	Thuyết minh	30/09/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.303.063.696.730</b>	<b>1.399.332.558.885</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>775.741.709.846</b>	<b>973.651.375.047</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	535.180.764.428	409.120.412.874
2. Phải trả cho người bán	312		102.208.955.271	222.062.308.707
3. Người mua trả tiền trước	313		44.900.242.113	31.127.713.630
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	29.812.861.981	21.744.877.664
5. Phải trả người lao động	315		3.312.229.478	4.489.222.185
6. Chi phí phải trả	316	22	21.481.268.182	26.729.304.325
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	40.726.343.737	257.511.809.020
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.880.955.344)	865.726.640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>527.321.986.884</b>	<b>425.681.183.838</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		513.199.482	327.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	514.210.458.574	416.920.351.300
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		4.342.346.225	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	25	8.255.982.603	8.433.832.538
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>779.645.517.855</b>	<b>419.226.745.663</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>779.645.517.855</b>	<b>419.226.745.663</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	670.851.080.000	352.107.080.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	49.938.762.000	3.442.712.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	26	14.347.409.324	13.074.838.735
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	26	4.361.918.275	4.192.390.700
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	40.146.348.256	46.409.724.228
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>103.705.752.623</b>	<b>107.352.645.511</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>2.186.414.967.208</b>	<b>1.925.911.950.059</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU		30/09/2012	31/12/2011
	Ngoại tệ các loại	USD	2.161,01	2.765,02

**Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Đình Trạc**

Gia Lai, ngày 14 tháng 11 năm 2012

**Phụ trách kế toán**



**Trần Thị Tinh Tú**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/ 2012

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	27	161.136.847.337	193.957.919.505	546.214.740.410	626.897.258.447
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	5.947.133.636	28.025.455	5.947.133.636	5.532.466.385
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	155.189.713.701	193.929.894.050	540.267.606.774	621.364.792.062
Giá vốn hàng bán	11	28	141.021.889.706	167.221.491.973	477.011.188.409	525.259.457.776
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>14.167.823.995</b>	<b>26.708.402.077</b>	<b>63.256.418.365</b>	<b>96.105.334.286</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	15.629.851.767	4.402.159.421	44.588.467.427	18.460.217.158
Chi phí tài chính	22	30	17.064.568.964	10.746.528.762	71.610.900.266	48.828.669.309
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.022.568.931</i>	<i>7.881.341.373</i>	<i>71.462.736.198</i>	<i>34.506.569.720</i>
Chi phí bán hàng	24		1.079.462.690	622.212.328	3.251.295.011	2.561.315.993
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.107.087.121	7.831.350.982	20.758.608.007	23.399.879.675
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.546.556.988</b>	<b>11.910.469.426</b>	<b>12.224.082.509</b>	<b>39.775.686.467</b>
Thu nhập khác	31	31	42.052.066	55.107.620	602.178.544	4.005.578.915
Chi phí khác	32	32	97.483.394	348.171.928	402.936.928	4.578.355.945
Lợi nhuận khác	40		<b>(55.431.328)</b>	<b>(293.064.308)</b>	199.241.616	<b>(572.777.030)</b>
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				<b>(511.080.761)</b>	<b>(559.755.813)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.491.125.660</b>	<b>11.617.405.118</b>	<b>11.912.243.364</b>	<b>38.643.153.624</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		656.224.269	3.172.204.998	3.681.669.812	11.791.831.808
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		413.415.241	(277.778.928)	1.408.738.515	(1.819.422.181)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>33</b>	<b>4.421.486.150</b>	<b>8.722.979.048</b>	<b>6.821.835.037</b>	<b>28.670.743.997</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	33	1.815.328.032	306.219.912	1.131.578.663	1.750.821.363
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	33	2.606.158.118	8.416.759.136	5.690.256.374	26.919.922.634
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	49,73	262,94	118,28	840,99

**Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**  
TP. PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai ngày 14 tháng 11 năm 2012

Phụ trách kế toán

Trần Thị Tinh Tú

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2012

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu năm 2012 VND	9 tháng đầu năm 2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	868.683.727.431	546.382.411.769
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(652.315.731.080)	(596.392.392.885)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.977.139.888)	(23.403.009.209)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(36.577.467.567)	(35.913.198.437)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.414.464.333)	(3.946.016.955)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	496.176.908.939	509.787.359.013
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(913.413.646.181)	(561.043.928.069)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(253.837.812.679)</b>	<b>(164.528.774.773)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(70.555.612.432)	(77.212.579.699)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.708.285.430	5.169.736.675
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.315.424.853)	(28.576.940.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.936.000.000	2.669.270.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.900.766.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.781.492.685	1.232.618.281
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(122.445.259.170)</b>	<b>(105.618.660.743)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	177.107.850.000	13.652.613.077
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(350.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	424.051.656.213	672.569.194.669
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(219.975.085.252)	(420.502.550.677)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2012

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(246.000.000)	(600.555.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.296.527.694)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>379.641.893.267</b>	<b>264.768.702.069</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.358.821.418</b>	<b>(5.378.733.447)</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	8.541.716.948	17.120.367.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	372.035	(1.084.246.129)
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.900.910.401</b>	<b>10.657.388.327</b>



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 14 tháng 11 năm 2012

Phụ trách kế toán

Trần Thị Tinh Tú

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/08/2012. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù côm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù côm); Mua bán phân bón;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Sản xuất sẫm, lớp cao su, đắp và tái chế lớp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung).

### **Các Công ty con được hợp nhất (18 công ty)**

#### **1. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 24.839.360.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
- Vốn điều lệ: 49.500.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 94,76%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,56%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **6. Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**

1586  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
ĐỨC LONG  
GIA LAI  
T.Đ

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **7. Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoán sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lễ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **9. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyễn**

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **10. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **11. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **12. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **13. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **14. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông ( theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **15. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **16. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **17. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **18. Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến khoáng sản Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6, Khu công nghiệp Trà Đa, Pleiku, Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác đá cát sỏi đất sét, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, cắt tạo đá và hoàn thiện đá, bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất (3 công ty)**

#### **1. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Lý do : Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên Trong đó công ty CP Tập Đoàn Đức Long sở hữu 19,5% vốn điều lệ. CP Tập Đoàn Đức Long ghi nhận là khoản đầu tư dài hạn kể từ ngày 13/07/2012

- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.

Lý do : Công ty TNHH Cung ứng nguyên liệu vật tư & thiết bị Đức Long Gia Lai tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty TNHH cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên. Trong đó công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai góp vốn 20 tỷ đồng sở hữu 33,33% vốn điều lệ. CP Tập Đoàn Đức Long ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết kể từ ngày 15/08/2012

- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **3. Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.

Lý do : Công ty TNHH khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai tăng vốn điều lệ lên 22.000.000.000 đồng. Trong đó công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai góp vốn 1,2 tỷ đồng sở hữu 5,4 % vốn điều lệ. CP Tập Đoàn Đức Long ghi nhận là khoản đầu tư dài hạn kể từ ngày 15/08/2012

Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **Các Công ty liên kết (3 công ty)**

#### **1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** (Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.

- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất. Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 33,33%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/09/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Các công ty con

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

### **Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** (Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** (Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

### **4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Chi phí vay**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.13 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Riêng đối với dự án BOT về nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Km 817 đến Km 887 : Được miễn thuế TNDN trong thời gian hoạt động kinh doanh của dự án là 36 năm, bao gồm cả thời gian ân hạn.

### **4.17 Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.**

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.776.530.730	3.140.355.464
Tiền gửi ngân hàng	7.124.379.671	1.330.428.592
Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.900.910.401</b>	<b>8.670.784.056</b>

**6. Đầu tư ngắn hạn**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (gửi tiết kiệm ngân hàng)	-	1.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	147.477.473.135	44.376.707.554
- Công ty CP Quân Trung	7.972.371.581	
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	76.005.000.000	
- DNTN Đức Kiên	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	22.820.000.000	
- Cho vay khác	680.101.554	4.376.707.554
Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	10.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>157.477.473.135</b>	<b>45.376.707.554</b>

**7. Các khoản phải thu khác**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi dự thu	-	58.333.334
Các khoản phải thu khác	120.005.776.528	157.136.557.257
<b>Cộng</b>	<b>120.005.776.528</b>	<b>157.194.890.591</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.460.227.892	109.864.686.549
Công cụ, dụng cụ	5.235.490.994	6.379.580.137
Chi phí SXKD dở dang	143.801.405.160	153.979.985.359
Thành phẩm	12.256.879.698	31.265.371.675
Hàng hóa	65.500.803.130	84.329.912.130
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(90.099.521)
<b>Cộng</b>	<b>343.254.806.874</b>	<b>385.729.436.329</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62.649.168	1.349.943.948
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	1.737.770.564	721.300.368
<b>Cộng</b>	<b>1.800.419.732</b>	<b>2.071.244.316</b>

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	155.758.680	1.267.429.514
- Thuế GTGT	-	1.064.230.458
- Thuế thu nhập DN	-	47.440.376
- Tiền thuế đất	155.758.680	155.758.680
Các khoản khác phải thu Nhà nước	554.924.541	
<b>Cộng</b>	<b>710.683.221</b>	<b>1.267.429.514</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	80.000.000	
Tạm ứng	21.957.778.478	19.692.630.816
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	84.500.000	63.500.000
<b>Cộng</b>	<b>22.122.278.478</b>	<b>19.756.130.816</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	151.138.276.403	59.816.845.931	28.112.049.760	1.694.912.101	60.500.000	240.822.584.195
Tăng trong kỳ	14.041.589.003	7.156.872.727	22.343.000	17.990.000		21.238.794.730
Giảm trong kỳ	13.145.776.416	21.363.350.427	3.929.830.805	176.485.594	60.500.000	38.675.943.242
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>152.034.088.990</b>	<b>45.610.368.231</b>	<b>24.204.561.955</b>	<b>1.536.416.507</b>	<b>-</b>	<b>223.385.435.683</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu kỳ	23.611.347.026	18.418.516.565	10.912.957.418	659.506.165	29.124.998	53.631.452.172
Tăng trong kỳ	4.828.761.542	2.736.504.708	1.715.776.141	167.711.961	5.041.666	9.453.796.018
Giảm trong kỳ	2.964.257	210.639.826	274.335.039	-	34.166.664	522.105.786
Phân loại lại	1.766.199.421	6.724.964.006	363.745.609	55.288.828	-	8.910.197.864
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.670.944.890</b>	<b>14.219.417.441</b>	<b>11.990.652.911</b>	<b>771.929.298</b>	<b>-</b>	<b>53.652.944.540</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	127.526.929.377	41.398.329.366	17.199.092.342	1.035.405.936	31.375.002	187.191.132.023
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>125.363.144.100</b>	<b>31.390.950.790</b>	<b>12.213.909.044</b>	<b>764.487.209</b>	<b>-</b>	<b>169.732.491.143</b>

**13. Tài sản cố định thuê tài chính**

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	2.038.366.636	2.038.366.636
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.038.366.636</b>	<b>2.038.366.636</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	844.952.466	844.952.466
Tăng trong kỳ	157.122.216	157.122.216

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.002.074.682</b>	<b>1.002.074.682</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	1.193.414.170	1.193.414.170
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.036.291.954</b>	<b>1.036.291.954</b>

Tài sản cố định thuê tài chính được thuê theo các hợp đồng thuê sau:

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 090/07/ALCII ngày 30/08/2007 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này. Công ty đã thuê tài chính 3 chiếc Ford Everest 7 chỗ ngồi trong thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 120/07/ALCII ngày 07/01/2008 với Chi nhánh Công ty cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này. Công ty đã thuê tài chính 1 chiếc xe Ford thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.

#### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	95.255.882.814	539.210.696	95.795.093.510
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	84.949.904	84.949.904
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>454.260.792</b>	<b>95.710.143.606</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	282.216.674	282.216.674
Tăng trong kỳ	-	60.990.579	60.990.579
Giảm trong kỳ	-	23.780.729	23.780.729
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>319.426.524</b>	<b>319.426.524</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	95.255.882.814	256.994.022	95.512.876.836
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>134.834.268</b>	<b>95.390.717.082</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án trồng cao su tại IaTiem	12.079.022.596	10.607.197.612
Chi phí thiết kế, khảo sát khách sạn Đức Long mở rộng	-	208.780.538
Công trình Cầu đường cao su tại IaBlứ	-	3.726.245.994
Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	88.242.307.073	63.150.103.987
Chi phí khảo sát mỏ quặng sắt	541.556.242	541.556.242
Dự án bến xe phía Nam (Bến xe Đà Nẵng)	90.574.058.128	75.177.126.857
Dự án thủy điện Đồng Nai 6	11.127.473.108	7.547.469.569
Chi phí khảo sát thủy điện Mỹ Lý	18.421.727	18.421.727
ĐA BOT quốc lộ 14 A đoạn KM từ 817 đến 887	77.624.380.295	51.689.233.788
Hội sở chính Tập đoàn Đức long Gia Lai	27.857.371.934	19.294.763.827
Công trình khách sạn Mỹ Khê	451.262.866	451.262.866
Mỏ chì kẽm Chư Mố -Azunpa	8.220.020.952	1.838.914.172
Trồng rừng cao su 980 ha chubứ (980 ha)	73.160.585.216	45.573.517.299
Công trình mỏ đá Chư Bứ	409.151.399	407.659.090
Công trình mỏ đá Bazan Kbang	10.019.485	72.331.682
Mỏ đá bazzan trụ kông Yang - Konchro - Tỉnh Gia Lai	615.613.407	92.847.817
Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGrai	693.711.429	603.263.620
Mỏ đá gabro Krông năng, Krông Pa, tỉnh Gia Lai	233.657.650	
Công trình Thủy điện ĐăkPSi	1.568.727	1.568.727
Công trình Thủy điện ĐăkSepay	1.951.986.095	1.943.654.314
Công trình thủy điện Khe Giông	13.749.000	13.749.000
Chi phí thăm dò mỏ đá DakWer	227.272.727	227.272.727
Mỏ đá Bazan , chư Don, Chư Puh, Gia Lai	50.480.000	50.000.000
Các Công trình xây dựng khác	659.245.170	1.795.945.224
Chi phí đầu tư mở rộng Bến xe Đức Long	-	4.878.011.826
<b>Cộng</b>	<b>394.762.915.226</b>	<b>289.910.898.505</b>

### 16. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	27.615.852.291	8.045.308.861
<i>Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai</i>	<i>7.534.228.100</i>	<i>8.045.308.861</i>
<i>Công ty TNHH cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên</i>	<i>20.081.624.191</i>	
Đầu tư dài hạn khác	273.630.127.935	89.279.469.511
- <i>Góp vốn vào C ty CP D vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn</i>	<i>5.600.000.000</i>	<i>5.600.000.000</i>
- <i>Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên</i>	<i>36.989.529.734</i>	
- <i>Công ty TNHH khai thác khoáng sản Đức Sang GL</i>	<i>1.283.747.504</i>	
- <i>Cho vay dài hạn Công ty TNHH Đức Long Dung Quất</i>	<i>47.883.634.291</i>	<i>40.981.253.105</i>
- <i>Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát</i>	<i>149.175.000.000</i>	
- <i>Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam</i>	-	<i>10.000.000.000</i>
- <i>Cho vay khác</i>	<i>32.698.216.406</i>	<i>32.698.216.406</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>301.245.980.226</u></b>	<b><u>97.324.778.372</u></b>

### 18. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	370.504.870	
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.492.819.435	2.397.820.920
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	813.089.035	5.935.339.913
Chi phí chuyển nhượng cầu thủ bóng chuyên	4.421.627.097	
<b>Cộng</b>	<b><u>7.098.040.437</u></b>	<b><u>8.333.160.833</u></b>

### 19. Tài sản dài hạn khác

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản t/ chấp,k/cược	151.400.000	151.400.000
Khoản ký quỹ môi trường	-	184.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>151.400.000</u></b>	<b><u>335.800.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	433.381.610.428	370.001.027.068
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	51.140.000.000	49.121.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	361.278.191.906	310.290.224.826
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN Gia Lai	6.635.000.000	6.635.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đăknông	900.000.000	850.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN TP HCM	3.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP GPBank - CN Gia Lai	-	400.000.000
- Vay cá nhân	428.418.522	2.704.802.242
Nợ dài hạn đến hạn trả	73.810.154.000	39.119.385.806
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	19.643.000.000	35.490.908.274
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	2.925.144.000	312.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN HCM	49.560.000.000	
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Lai	65.010.000	290.736.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	619.600.000	1.000.800.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đăknông	150.000.000	315.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đăknông	500.000.000	500.000.000
- CN Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	347.400.000	1.209.941.532
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	27.989.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>535.180.764.428</b>	<b>409.120.412.874</b>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	8.746.303.207	3.712.653.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.495.692.692	192.608.113
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	16.198.614.834	14.770.895.301
Thuế tài nguyên	794.819.748	323.613.732
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	2.521.521.500	2.621.521.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	55.910.000	123.585.414
<b>Cộng</b>	<b>29.812.861.981</b>	<b>21.744.877.664</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Chi phí phải trả

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	21.206.232.182	25.536.048.327
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	6.845.436.000	
- Lãi dự trả	14.359.404.515	
Chi phí phát hành	148.500.000	
Trích trước chi phí công trình Bến xe Đà Nẵng	-	578.000.000
Chi phí khác	5.280.000	330.000.000
Chi phí trích trước của công trình xây lắp	121.256.000	285.256.000
<b>Cộng</b>	<b>21.481.268.182</b>	<b>26.729.304.327</b>

### 23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.106.373.542	659.482.311
Bảo hiểm thất nghiệp	66.139.803	51.725.557
Kinh phí công đoàn	50.701.273	39.041.714
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	839.362.189	239.400.000
Quỹ quản lý của cấp trên	-	-
Lãi vay phải trả	2.057.609.167	7.573.209.092
Cổ tức phải trả	771.153.955	771.147.955
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.835.003.808	248.170.048.394
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.726.343.737</b>	<b>257.511.809.020</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**24. Vay và nợ dài hạn**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	514.210.458.574	203.324.951.300
- Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN Gia Lai (i.1)	87.317.000.000	65.708.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN_CN Gia Lai (i.2)	176.880.269.574	91.365.152.300
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (i.3)	22.195.756.000	12.554.400.000
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN HCM (i.3)	198.440.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á_CN Quảng Ngãi (i.4)	27.074.803.000	27.074.803.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	-	528.166.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất (i.5)	1.789.800.000	1.831.600.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đắk Nông (i.6)	512.830.000	512.830.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	-	250.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực - CN Hồ Chí Minh	-	3.500.000.000
Nợ dài hạn	-	195.400.000
- CN Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	-	195.400.000
Trái phiếu phát hành (ii)	-	213.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>514.210.458.574</b>	<b>416.920.351.300</b>

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 với thời gian cho vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức cho vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2005/HĐ ngày 11/03/2005 với thời gian vay từ 11/03/2005 đến 31/12/2012, số tiền nhận nợ là 12.710.908.274 đồng. Lãi suất vay theo lãi suất thả nổi của ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư và xây dựng bến xe liên tỉnh. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 25/09/2009 với thời hạn cho vay là 108 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 18 tháng, số tiền cho vay là 24.800.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Đầu tư Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 với thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền cho vay là 43.573.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Trồng 948,5 ha cao su tại xã Ia B lư, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 26 tháng 10 năm 2009 để đầu tư Dự án mở rộng nhà máy khai thác và chế biến đá Granit. Theo đó, tổng hạn mức vay: 4.900.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên (27/10/2009), lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm và sẽ được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

### (i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín\_Chi nhánh Gia Lai

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn cho vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền cho vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

### (i.3) Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín\_Chi nhánh TP.HCM số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền cho vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện.

### (i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 4120/2009/HĐTH ngày 28 tháng 9 năm 2009 để đầu tư Dự án Thủy điện Tà Nung tại Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tổng hạn mức vay: 28.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 7 trở đi. Công ty được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong thời hạn 2 năm (bắt đầu từ ngày 28/9/2009 đến ngày 28/9/2011). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

### (i.5) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi Nhánh Tân Sơn Nhất theo Hợp đồng vay số 2102 - LAV – 2010 - 00557 ngày 01/10/2010 với thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô con Lexus LX570. Lãi suất cho vay: lãi suất EIB công bố từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

### (i.6) Vay ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Đắk Nông.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 17/03/2011 với hạn mức vay là 501.200.000 VND, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Mục đích sử dụng tiền vay : Thanh toán mua xe ô tô PICK-UP MAXSTRETT CUSTOM FULL SPECEDTION
  - Hợp đồng tín dụng số .../2012 ngày 28/09/2012 với hạn mức vay là 50.000.000 VND, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Mục đích sử dụng tiền vay : Thanh toán tiền lương, tiền công.
- (ii) Phát hành trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2010/NQ-ĐHCD ngày 02/11/2010. Theo đó, trái phiếu được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông DLG.
- Ngày 14/04/2012, Đại hội cổ đông đã thông qua Nghị quyết về việc chuyển đổi trái phiếu trước hạn trong năm 2012. Theo đó, Công ty đã tiến hành chuyển đổi 1.854.110 trái phiếu (tương đương với số tiền: 185.411.000.000 đồng) thành cổ phiếu.

### 25. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu bán căn hộ	7.946.891.699	7.946.891.699
Doanh thu cho thuê cây xăng	296.590.904	372.272.731
Doanh thu cho thuê mặt bằng	12.500.000	
Lãi trái phiếu Ngân hàng Công thương	-	114.668.108
<b>Cộng</b>	<b>8.255.982.603</b>	<b>8.433.832.538</b>

### 26. Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290
Tăng trong năm	61.107.080.000			6.771.005.752	2.524.423.914	
Lợi nhuận tăng trong năm						27.353.447.877
Giảm trong năm		9.893.230.000	797.041.140			65.701.682.939
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>352.107.080.000</b>	<b>3.442.712.000</b>	<b>-</b>	<b>13.074.838.735</b>	<b>4.192.390.700</b>	<b>46.409.724.228</b>
	-	-		-	-	-
Số dư tại 01/01/2012	352.107.080.000	3.442.712.000	-	13.074.838.735	4.192.390.700	46.409.724.228
Tăng trong kỳ	318.744.000.000	46.496.050.000	-	1.272.570.589	169.527.575	
Lợi nhuận tăng trong kỳ						5.568.192.079
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	11.831.568.051
<b>Số dư tại 30/09/2012</b>	<b>670.851.080.000</b>	<b>49.938.762.000</b>	<b>-</b>	<b>14.347.409.324</b>	<b>4.361.918.275</b>	<b>40.146.348.256</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Cổ phiếu	30/09/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu thường	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu thường	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu thường	67.085.108	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		
<b>27. Doanh thu</b>	<b>Quý III năm 2012</b>	<b>Quý III năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>161.136.847.337</b>	<b>193.957.919.505</b>
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	79.530.740.190	86.929.279.088
- Doanh thu bán phân bón	42.516.402.476	55.506.694.213
- Doanh thu Công trình xây dựng	28.961.908.489	27.690.699.535
- Doanh thu cho thuê tài sản	150.129.942	55.909.092
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.073.062.582	4.511.873.308
- Doanh thu bán đá	-	11.768.023.264
- Doanh thu bán điện	1.164.514.400	1.359.818.600
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	4.740.089.258	6.135.622.405
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>5.947.133.636</b>	<b>28.025.455</b>
- Hàng bán bị trả lại (sản phẩm từ gỗ)	-	28.025.455
- Hàng bán bị trả lại	5.947.133.636	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>155.189.713.701</b>	<b>193.929.894.050</b>

Trong quý 3/2012 nền kinh tế gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp cụ thể như sau : Doanh thu bán gỗ giảm 7,399 tỷ đồng tương đương giảm 8,51%. Doanh thu bán phân bón giảm 12,99 tỷ đồng tương đương giảm 23,4%. Doanh thu bán đá giảm 11,768 tỷ đồng tương đương giảm 100% so với cùng kỳ năm ngoái.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mặt khác trong quý 3/2012 các khoản giảm trừ doanh thu tăng 5,947 tỷ so với quý 3/2011. Đây là những nguyên nhân dẫn đến doanh thu quý 3/2012 giảm 38,74 tỷ đồng tương đương giảm 19,98% so với quý 3/2011.

### 28. Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	75.069.992.754	71.962.690.962
Giá vốn bán phân bón	39.932.298.189	56.372.509.190
Giá vốn Công trình xây dựng	19.414.110.242	24.057.309.770
Giá vốn cho thuê tài sản	38.021.364	2.519.854
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.275.323.812	3.766.746.808
Giá vốn bán đá	-	8.178.962.096
Giá vốn bán điện	652.898.530	240.407.359
Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	2.639.244.815	2.640.345.934
<b>Cộng</b>	<b>141.021.889.706</b>	<b>167.221.491.973</b>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 3/2012 giảm làm giá vốn hàng bán giảm 26,2 tỷ đồng tương đương 15,67% so với quý 3/2011

### 29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.212.390.715	3.942.997.082
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.407.339
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	961.052	
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	416.500.000	279.750.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	175.005.000
<b>Cộng</b>	<b>15.629.851.767</b>	<b>4.402.159.421</b>

Trong quý 3/2012 các khoản đầu tư tại các công ty con tăng dẫn đến lãi cho vay tăng 11,27 tỷ đồng tương đương 286% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, lãi trái phiếu ngân hàng công thương quý 3 tăng 136,75 tương đương tăng 48,88%. Đây là nguyên nhân dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính tăng 255% so với quý 3 năm 2011.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	17.022.568.931	3.805.192.078
Lãi trái phiếu	-	6.935.500.000
Lỗi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33	5.836.684
Chi phí hoạt động tài chính khác	42.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>17.064.568.964</b>	<b>10.746.528.762</b>

Trong kỳ doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung vốn lưu động dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn tại 30/09/2012 tăng 63,38 tỷ đồng làm cho chi phí lãi vay tăng 13,217 tỷ đồng. Đó là nguyên nhân chính làm chi phí tài chính tăng 6,318 tỷ đồng tương đương tăng 58,79% so với cùng kỳ năm ngoái.

### 31. Thu nhập khác

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Trang phục bảo vệ	23.845.346	42.978.638
Tiền điện	17.538.620	
Cung cấp thiết bị PCCC	-	
Thu khác	668.100	12.128.982
<b>Cộng</b>	<b>42.052.066</b>	<b>55.107.620</b>

### 32. Chi phí khác

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Chi phí cho thuê tài sản	27.218.042	
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	160.000	72.025.357
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	66.480.352	45.999.216
Chi phí khác	3.625.000	230.147.355
<b>Cộng</b>	<b>97.483.394</b>	<b>348.171.928</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế**

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.491.125.660</b>	<b>11.617.405.118</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	<b>2.294.525.899</b>	<b>1.071.414.874</b>
+ Chi thù lao cho ban kiểm soát	-	
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	66.480.352	243.501.482
+ Lỗi tại các công ty con	2.224.738.314	
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	3.307.233	236.644.953
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	-	591.268.439
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	<b>4.758.491.125</b>	-
+ Lỗi các năm trước chuyển sang	3.104.830.161	
+ Lợi nhuận nội bộ đã thực hiện	54.471.177	
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	1.599.189.787	
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.027.160.434</b>	<b>12.688.819.992</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng</b>	<b>756.790.109</b>	<b>3.172.204.998</b>
<b>Thuế TNDN được miễn giảm</b>	<b>100.565.840</b>	
- Thuế TNDN giảm 30% theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012	100.565.840	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>656.224.269</b>	<b>3.172.204.998</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>413.415.241</b>	<b>(277.778.928)</b>
	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.421.486.150</b>	<b>8.722.979.048</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.815.328.032	306.219.912
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	2.606.158.118	8.416.759.136

Trong quý 3/2012 nền kinh tế gặp khó khăn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp cụ thể : Dcanh thu Q3/2012 giảm 19,97%, giá vốn giảm 15,67% làm cho lợi nhuận gộp quý 3/2012 giảm 46,95% so với quý 3/2011. Đồng thời trong quý 3/2012 do nhu cầu cần bổ sung vốn lưu động cho quá trình sản xuất kinh doanh dư nợ vay ngắn hạn tăng làm cho chi phí lãi vay quý 3/2012 tăng cao. Đó là những nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3/2012 giảm 4,302 tỷ đồng tương đương giảm 49.31% so với quý 3/2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	2.606.158.118	8.416.759.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.410.139	32.009.827
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	<b>49,73</b>	<b>262,94</b>

**35. Công cụ tài chính**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá mua phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp, công trình BOT là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ mua bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<b>30/09/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	507.191.764.428	514.210.458.574	1.021.402.223.002
Trái phiếu chuyển đổi	27.989.000.000	-	27.989.000.000
Phải trả người bán	102.208.955.271	-	102.208.955.271
Chi phí phải trả	21.481.268.182	-	21.481.268.182
Phải trả khác	39.503.129.119	-	39.503.129.119
<b>Cộng</b>	<b>698.374.117.000</b>	<b>514.210.458.574</b>	<b>1.212.584.575.574</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	409.120.412.874	203.520.351.300	612.640.764.174
Trái phiếu chuyển đổi	-	213.400.000.000	213.400.000.000
Phải trả người bán	222.062.308.707	-	222.062.308.707
Chi phí phải trả	26.729.304.327	-	26.729.304.327
Phải trả khác	256.761.559.438	-	256.761.559.438
<b>Cộng</b>	<b>914.673.585.346</b>	<b>416.920.351.300</b>	<b>1.331.593.936.646</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/09/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.900.910.401	-	11.900.910.401
Phải thu khách hàng	382.545.851.893	-	382.545.851.893
Đầu tư tài chính	157.477.473.135	273.630.127.935	431.107.601.070
Phải thu khác	120.005.776.528	-	120.005.776.528
Tài sản tài chính khác	84.500.000	151.400.000	235.900.000
<b>Cộng</b>	<b>672.014.511.957</b>	<b>273.781.527.935</b>	<b>945.796.039.892</b>

  

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.670.784.056	-	8.670.784.056
Phải thu khách hàng	448.191.368.680	-	448.191.368.680
Đầu tư tài chính	45.376.707.554	89.279.469.511	134.656.177.065
Phải thu khác	157.194.890.591	-	157.194.890.591
Tài sản tài chính khác	63.500.000	335.800.000	399.300.000
<b>Cộng</b>	<b>659.497.250.881</b>	<b>89.615.269.511</b>	<b>749.112.520.392</b>

### 36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng đặc điểm của Công ty là hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung tại địa bàn tỉnh Gia Lai, các khách hàng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của Công ty nằm trên cùng địa bàn. Các đối tác này chủ động trong việc tổ chức mạng lưới tiêu thụ và phân phối sản phẩm theo các khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc Quý 3 năm 2012**  
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa, bán điện	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su	Kinh doanh Phân bón	Công trình xây dựng	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	1.164.514.400	79.530.740.190	42.516.402.476	23.014.774.853	4.740.089.258	4.223.192.524		155.189.713.701
Doanh thu giữa các bộ phận		(512.374.545)				1.995.580.908	(1.483.206.363)	-
Giá vốn giữa các bộ phận	652.898.530	75.069.992.754	39.932.298.189	19.414.110.242	2.639.244.815	3.313.345.176		141.021.889.706
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	511.615.870	4.460.747.436	2.584.104.287	3.600.664.611	2.100.844.443	909.847.348		14.167.823.995
Tài sản bộ phận tại ngày 30/09/2012	155.976.021.955	826.023.270.593	17.861.843.350	509.952.217.946	105.441.058.128	99.810.249.031	-	2.020.017.039.324
Tài sản không phân bổ								166.397.927.884
<b>Tổng tài sản</b>								<b>2.186.414.967.208</b>
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 30/09/2012	41.393.409.371	690.089.491.715	28.865.622.030	182.629.734.190	102.600.005.066	5.459.476.780	-	1.262.216.403.430
Nợ phải trả không phân bổ								40.847.293.300
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>1.303.063.696.730</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ								12.030.927.130
- <i>Khấu hao</i>	1.612.243.621	3.881.996.140	2.700.000	929.880.080	1.126.840.597	2.118.248.375		9.671.908.813
- <i>Chi phí phân bổ ngắn hạn và dài hạn</i>		830.438.714		929.214.104		599.365.499		2.359.018.317
Khấu hao và chi phí không phân bổ								1.451.043.900

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.008.645.715	7.255.690.875
Chi phí nhân công	9.845.364.487	9.632.965.452
Chi phí dụng cụ đồ dùng	111.676.817	70.153.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.380.622.381	3.422.731.274
Chi phí bảo hành	974.525	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.490.210.520	134.374.956.087
Chi phí khác bằng tiền	3.437.907.992	3.914.684.004
<b>Cộng</b>	<b>99.275.402.437</b>	<b>158.671.180.943</b>

**38. Thông tin các bên liên quan**

**a. Thông tin các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Trạc	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc
Ông Đỗ Thanh	Phó Tổng giám đốc
Ông Võ Châu Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Xuân Viên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hồ Minh Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Việt	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc Thành viên HĐQT



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ**

Tên công ty	Nội dung giao dịch	9 tháng đầu năm 2012	9 tháng đầu năm 2011
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Cho vay	225.180.000.000	
	Lãi vay	26.724.894.855	
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Cho vay	47.883.634.291	
	Lãi vay	6.804.903.794	

**c. Số dư với các bên liên quan**

	30/09/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
<b>Phải thu khác</b>	<b>33.529.798.649</b>	<b>974.627.370</b>
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	26.724.894.855	
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	6.804.903.794	
Ông Nguyễn Đình Trạc		708.495.526
Ông Võ Châu Hoàng		110.960.748
Ông Hồ Minh Thành		155.171.096
<b>Phải trả khác</b>		<b>108.185.512.177</b>
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát		108.185.512.177
<b>Tạm ứng</b>	<b>1.634.797.341</b>	<b>4.848.467.930</b>
Ông Nguyễn Đình Trạc	698.598.628	694.017.523
Ông Đỗ Thanh	822.278.890	1.172.278.890
Ông Phạm Trung		674.761.070
Ông Phan Xuân Viên	10.888.899	60.306.223
Ông Hồ Minh Thành	103.030.924	2.247.104.224
<b>Đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác</b>	<b>273.063.634.291</b>	<b>40.981.253.105</b>
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	225.180.000.000	
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	47.883.634.291	40.981.253.105

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**40. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011.



**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Đình Trạc**  
Gia Lai, ngày 14 tháng 11 năm 2012

**Phụ trách kế toán**

**Trần Thị Tinh Tú**

